

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: **18/7/2017**
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông **Đào Khel**

2/. Bà **Nguyễn Thị Thắm**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Văn Ngọc Hân**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Thúy Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 18/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2016/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2016 về: “**Tranh chấp ly hôn, nuôi con**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lý Ngọc B**, sinh năm 1981 (**có mặt**).

Địa chỉ: Số 12 đường Nguyễn T, khóm A, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông **Trương T**, sinh năm 1982 (**vắng mặt**).

Địa chỉ: Số 222 đường L, khóm A, phường C, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 09/11/2016 của nguyên đơn là bà **Lý Ngọc B** và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lý Ngọc B và bị đơn Trương T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban

nhân dân phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/9/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có chung với nhau một người con chung tên Trương Quốc T, sinh ngày 23/4/2009. Thời gian sau, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống nên nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ ngày 25/01/2010 cho đến nay, khi ly thân cháu T sống chung với nguyên đơn tại: Số 12 đường Nguyễn T, khóm A, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn Trương T.

Về con chung: Nguyên đơn Lý Ngọc B yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Trương Quốc T, sinh ngày 23/4/2009 cho đến tuổi trưởng thành, nguyên đơn yêu cầu bị đơn **cấp dưỡng nuôi con là 800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.** Tại phiên tòa, nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bị đơn T cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Tại tờ tường trình đề ngày 31/12/2016 của bị đơn Trương T đã trình bày:** Ông T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 307/2016/TLST-HNGĐ ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Trong vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn T có các ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bị đơn Trương T đồng ý thuận tình ly hôn với nguyên đơn Lý Ngọc B, sinh năm 1981

Về con chung: Bị đơn và nguyên đơn có một người con chung tên Trương Quốc T, sinh ngày 23/4/2009 bị đơn T đồng ý cho nguyên đơn B được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T trưởng thành và nguyên đơn B không yêu cầu bị đơn T cấp dưỡng nuôi con, bị đơn đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nhưng bị đơn T chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lý Ngọc B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Trương T vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn T theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa nguyên đơn Lý Ngọc B trình bày trước đây nguyên đơn có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến đủ 18 tuổi, yêu cầu bị đơn T **cấp dưỡng nuôi con là 800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi**. Nhưng nay nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện trước đây là không yêu cầu bị đơn T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Lý Ngọc B trình bày về quan hệ hôn nhân và con chung như sau: Nguyên đơn và bị đơn Trương T kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/9/2008; nguyên đơn và bị đơn có một người con chung là cháu Trương Quốc T, sinh ngày 23/4/2009. Lời trình bày nêu trên của nguyên đơn B phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh của cháu T mà nguyên đơn B đã cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

Nguyên đơn B yêu cầu được ly hôn với bị đơn T vì vợ chồng sống chung không hạnh phúc do bị đơn T thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm sống. Nguyên đơn B đã cố gắng khuyên nhưng bị đơn T không khắc phục, vợ chồng đã sống ly thân từ **ngày 25/01/2010** cho đến nay. Nguyên đơn B không còn tình cảm yêu thương bị đơn T nữa, nên yêu cầu được ly hôn bị đơn Trương T. Tại tòa trình bày ngày 31/12/2016 bị đơn T trình bày đồng ý ly hôn nguyên đơn B.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân trong thời gian tương đối dài, không lo lắng, chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn không còn tình cảm yêu thương bị đơn nữa, tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn B.

[4] Về con chung: Nguyên đơn B và bị đơn T khai vợ chồng có 01 người con chung là cháu Trương Quốc T, sinh ngày 23/4/2009. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng ông bà sống ly thân cho đến nay, cháu T đều sống cùng với bà B, cuộc sống của cháu đang ổn định, mặt khác cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà B, vì vậy căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của T, giao cháu T cho bà B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Bị đơn T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn B không yêu cầu nên bị đơn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn Lý Ngọc B và bị đơn Trương T tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn B phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 93; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lý Ngọc B được ly hôn bị đơn ông Trương T .

2. Về con chung: Nguyên đơn Lý Ngọc B được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Quốc T, sinh ngày 23/4/2009 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Bị đơn Trương T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn Trương T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở bị đơn T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn Lý Ngọc B và bị đơn Trương T tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lý Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*), khấu trừ vào số tiền 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003340 ngày 09/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn Lý Ngọc B có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Trương T thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND phường B, TP Sóc Trăng
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Kim Huệ